

DIỄN GIẢI DỰ TOÁN CHI PHÍ
Điều chỉnh Chương trình Phát triển đô thị tỉnh An Giang
CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN

- Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động Thương binh xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;
- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang;

I. Chi phí lập CT.PTĐT: Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện: 11 đơn vị.

1.1. Chi phí lập mới CT.PTĐT: (Theo định mức tại bảng số 2 - Thông tư số 12/2017/TT-BXD)

Tính nội suy:

$$\begin{array}{r} 115 \\ 15 \end{array} - \begin{array}{r} 135 \\ 10 \end{array} \times \left[\begin{array}{r} 11 \\ 10 \end{array} - \begin{array}{r} 10 \\ 10 \end{array} \right] + 135 = 131.000.000 \text{ đ}$$

Chi phí trước thuế:

$$131.000.000 \times 11 = 1.441.000.000 \text{ đ}$$

Chi phí sau thuế:

$$1.441.000.000 \times 8\% = 1.556.280.000 \text{ đ}$$

1.2. Chi phí điều chỉnh CT.PTĐT:

- Tính bằng 70% chi phí xác định theo định mức chi phí tại Thông tư số 12/2017/TT-BXD:

$$\text{Chi phí trước thuế: } 1.441.000.000 \times 0,70 = 1.008.700.000 \text{ đ}$$

$$\text{Chi phí sau thuế: } 1.008.700.000 \times 8\% = 1.089.396.000 \text{ đ}$$

70%: là chi phí điều chỉnh (theo Điểm b - Khoản 2 - Điều 4, Thông tư số 12/2017/TT-BXD).

8%: thuế GTGT (theo Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 12/2017/TT-BXD, chi phí theo định mức chưa gồm thuế GTGT)

- Tính bằng dự toán (tại Phụ lục 2 Thông tư 12/2017/TT-BXD) và nhỏ hơn 70% chi phí điều chỉnh theo định mức

$$\text{Chi phí trước thuế: } = 989.710.909 \text{ đ}$$

$$\text{Thuế GTGT: 8\% (Ccg+Cql+TN) tại phụ lục 01 đính kèm} = 73.328.873 \text{ đ}$$

$$\text{Chi phí sau thuế (làm tròn): } = 1.063.040.000 \text{ đ (2.1)}$$

1.3. Chi phí Hội đồng thẩm định:

- Tính bằng 5% chi phí lập điều chỉnh CT.PTĐT tương ứng:

$$989.710.909 \times 5\% = 49.485.545 \text{ đ}$$

$$\text{- Tính bằng dự toán và bằng khoảng 1,6\% chi phí lập điều chỉnh CT.PTĐT tương ứng} = 15.440.000 \text{ đ (2.2)}$$

1.4. Chi phí công bố:

- Tính bằng 2% chi phí lập điều chỉnh CT.PTĐT tương ứng:

$$989.710.909 \times 2\% = 19.794.218 \text{ đ}$$

$$\text{- Tính bằng dự toán và bằng khoảng 1,3\% chi phí lập điều chỉnh CT.PTĐT tương ứng} = 13.200.000 \text{ đ (2.3)}$$

$$\text{II. Các chi phí khác:} = 15.293.000 \text{ đ (2.4)}$$

$$1. \text{ Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu} = 8.589.000 \text{ đ}$$

$$2. \text{ Chi phí thẩm định HSMT} = 2.682.000 \text{ đ}$$

$$3. \text{ Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu} = 4.022.000 \text{ đ}$$

(Kèm Phụ lục dự toán chi tiết)

$$\text{Tổng: (2.1) + (2.2) + (2.3)} = 1.106.973.000 \text{ đ}$$

Một tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng.